

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

CUỘC GẶP GỠ GIỮA PHÁI ĐOÀN TRIỀU TIÊN VÀ ĐẠI VIỆT Ở TRIỀU ĐÌNH NHÀ THANH NĂM CANH TUẤT (1790)

Nguyễn Duy Chính*

Sơ lược nội vụ

Năm Canh Tuất [1790] là năm khánh tiết bát tuần vạn thọ vua Thanh Cao Tông [Càn Long]. Các phiên thuộc của Trung Hoa trong đó có Triều Tiên, An Nam [Đại Việt], Xiêm La, Nam Chướng, Miến Điện, Lưu Cầu, Đài Loan... và các xứ Mông Cổ, Hồi Bộ, Tây Tạng... đều cử sứ thần đem đồ lễ sang. Đặc biệt hơn cả, Thanh đình được đón tiếp một vị khách quý: quốc vương An Nam đích thân tham dự,^(**) cùng với một phái bộ tùy tùng đông đảo lên đến gần 200 người.⁽¹⁾

Tuy cùng là ngoại phiên của Trung Hoa, Đại Việt và Triều Tiên dường như ít có liên hệ ngoại giao, họa hoằn một vài lần các sứ thần gặp gỡ tại triều đình Bắc Kinh, trao đổi một số văn thơ, xướng họa. Tao ngộ ly kỳ nhất trong lịch sử có lẽ là lần sứ thần nước ta Phùng Khắc Khoan [馮克寬] gặp sứ thần Triều Tiên Lý Túy Quang [李睟光]⁽²⁾ trong kỳ lễ vạn thọ vua Minh Thần Tông năm Vạn Lịch thứ 25 [Đinh Dậu, 1597]. Ba mươi bài thơ mừng vua Minh của Phùng Khắc Khoan đã được châu phê “Hà địa bất sinh tài” (đất nào chẳng có người tài giỏi) và được triều đình Trung Hoa khắc in thành *An Nam sứ thần vạn thọ tiết khánh hạ thi tập*. Những bài thơ của họ Phùng xướng họa với sứ thần Triều Tiên được ghi lại trong *Chi Phong tiên sinh thi tập*⁽³⁾ [Chi Phong là tên hiệu của Lý Túy Quang].

Theo lời dẫn trong *Chi Phong tập* [芝峯集] của Lý Túy Quang thì hai người đã quen biết từ năm Canh Dần [1590] khi họ Phùng sang sứ Trung Hoa nhưng ở cách xa nhau, lại bị cấm không cho giao thiệp theo luật nhà Minh.⁽⁴⁾ Mãi đến năm Đinh Dậu [1597], tình cờ hai người ở trong hai sứ bộ sang mừng thọ, vì đại lễ rất đông người, nên có dịp sống chung cùng một khu hơn 50 ngày, xướng họa đến mấy chục bài. Thi tài của sứ thần nước ta khiến Lý Chi Phong rất thán phục và còn được nhắc đến trong một hạnh ngộ khác gần hai thế kỷ sau dưới đời Thanh. Trong lần gặp gỡ cũng rất đặc biệt này, phái đoàn Triều Tiên ghi lại khá tỉ mỉ diễn tiến hơn một tháng đại lễ giúp cho chúng ta tìm hiểu thêm một số chi tiết không phải chỉ về một biến cố lịch sử mà liên quan cả triều đình Tây Sơn.

* California, Hoa Kỳ.

** Sử nước ta cho rằng người cầm đầu phái đoàn là giả vương Phạm Công Trị. Theo tác giả Nguyễn Duy Chính, việc vua Quang Trung giả sang Trung Hoa là một nghi vấn, và đưa ra giả thuyết: Người dẫn đầu phái bộ Đại Việt sang dự lễ bát tuần vạn thọ vua Càn Long chính là vua Quang Trung thật. Xem thêm: Nguyễn Duy Chính “Bảo kiến hay bảo tất”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 4-5 (47-48). 2004 và số 2 (50). 2005. BBT.

Nội dung tài liệu của Triều Tiên là một bản báo cáo theo dạng thức một *nhật ký* [journal] của người tham dự, ghi chép những điều mắt thấy tai nghe trong cuộc hành trình. Ngoài những chi tiết về lễ tiết và sinh hoạt của thời gian khánh tiết mà chúng tôi đi sâu hơn trong những nghiên cứu khác, trao đổi trong những lần gặp phái đoàn nước ta là chủ đề chính trong biên khảo ngắn này.

Ngoài những trao đổi trực tiếp, một số ghi nhận cũng giúp chúng ta phối kiểm được tình hình cụ thể như thế nào. Tuy có nhiều sai lầm nhưng hiển nhiên những chi tiết đó đã được loan truyền tại Bắc Kinh. Thời nào cũng thế, những người ở bên ngoài quan sát thường phỏng đoán theo chủ quan của mình khiến cho chúng ta biết được phần nào những tin đồn trong thời đó, nhưng phần nhiều không đúng với sự thật nhất là những sự kiện mật thuộc phạm vi quốc gia.

Trong những phiên thuộc, sứ thần Triều Tiên luôn luôn được coi trọng, vị trí, thứ bậc bao giờ cũng cao hơn sứ thần nước ta. Theo điển lệ nhà Thanh, hoàng đế ngồi ở phương bắc [mặt hướng về nam] một mình ở một bàn lớn, phía đông là các thân vương, bối lạc, bối tử [tất cả đều là tước vương nhưng chia làm bốn hạng: thân vương, quận vương, bối tử, bối lạc] ngồi những hàng trên, phía sau chư vương là các đại thần. Các vương đều thuộc hoàng tộc nhà Thanh, không có người ngoài.

Ngồi bên phía tây, hàng đầu là chư vương Mông Cổ, Hồi Bộ, Tây Tạng, phía sau là các sứ thần phiên thuộc theo thứ tự Triều Tiên, An Nam, Nam Chưởng, Miến Điện. Tuy hai triều đại Minh-Thanh có khác nhau đôi chút, nhưng luôn luôn theo đúng lễ nghi nên chưa bao giờ sứ thần Đại Việt có thể ngồi cao hơn sứ thần Triều Tiên. Đó là chưa kể, trong một số thời kỳ, vua nước ta chưa được phong An Nam quốc vương mà chỉ được phong An Nam đô thống sứ, một tước vị tương đối thấp. Vua đã thế thì sứ thần lại càng nhẹ thế nên tuy đồng văn [cùng văn hóa], sứ thần Triều Tiên luôn luôn tìm cách thử tài sứ thần nước ta.

Thứ bậc đó gần như bất biến trong nhiều triều đại nhưng vị thế đột nhiên đổi hẳn trong vài năm dưới thời Quang Trung. Trong biên khảo “Văn hiến chi bang”, chúng tôi đã đề cập đến việc cả 6 người trong sứ đoàn nước ta đều họa thơ vua Càn Long vào mùa xuân năm Canh Tuất và được chính tay vua Thanh ban ngự tửu khiến triều đình Trung Hoa phải kinh ngạc, các quốc gia khác nhìn nước ta bằng cặp mắt nể vì.

Mấy tháng sau, việc một phái bộ hùng hậu cả về lượng lẫn phẩm với những danh Nho cự phách càng làm cho vai trò của Đại Việt nổi bật. Đây cũng là lần đầu tiên, sứ thần nước ta đã chủ động làm thơ gửi cho sứ thần Triều Tiên yêu cầu họa lại. Có lẽ vì thế mà Đoàn Nguyễn Tuấn đã tự hào rằng “*Từ trước đến giờ, người mình đi sứ Trung Hoa chưa bao giờ lạ lòng mà lại vinh dự đến như thế !*”.

Nội dung tài liệu Triều Tiên

Nguyên bản tài liệu chúng tôi sử dụng là tập V trong bộ *Yên hành lục tuyển tập* [燕行錄選集],⁽⁵⁾ bản dịch các cổ thư chép về các cống sứ của Triều

Tiên sang Trung Hoa. Những cổ thư này viết bằng chữ Hán nay được dịch ra tiếng Hàn [hangul] là thứ chữ mới của Cao Ly. Cũng như người Việt, Hàn Quốc thời xưa dùng văn tự Trung Hoa mặc dầu họ đã sử dụng một loại ký âm riêng để viết tiếng Hàn từ thế kỷ XV nhưng triều đình và Nho sĩ vẫn sử dụng Hán tự [hanja] trong sách vở, thi cử cho đến tận đầu thế kỷ XX. Bộ sách này cũng tương tự như những phiên dịch các tác phẩm của người Việt trước đây khi cha ông chúng ta còn dùng chữ Hán làm văn tự chính thức. Vì không am tường tiếng Hàn, những chi tiết chúng tôi sử dụng chỉ thuần túy căn cứ vào nguyên bản Hán văn được in lại theo lối chụp ảnh [ảnh ấn] ở cuối sách.

Tập V chủ yếu là bộ *Yên hành kỷ* [燕行紀] của Từ Hạo Tu [徐浩修] bao gồm 4 quyển chép về việc sứ đoàn Triều Tiên sang kinh đô nhà Thanh dự lễ bát tuần khánh thọ [Canh Tuất, 1790] của vua Thanh Cao Tông [Càn Long, 1736-1795]. Trong dịp này, vua Chính Tông [1777-1800] của Triều Tiên sai Xương Thành úy Hoàng Nhân Điểm [黃仁點] làm Chánh sứ, Lễ tào Phán thư Từ Hạo Tu [徐浩修] làm Phó sứ, Hiệu lý Hoàng Văn Quán Lý Bách Hành [李百亨] làm Thư trạng quan [người theo phái đoàn để lo việc ghi chép, giấy tờ] cùng tùy tùng sang Yên Kinh.

Nội dung đại lược 4 quyển *Yên hành kỷ* chia làm bốn giai đoạn như sau:

- Quyển I: *Khởi Trấn Giang Thành chí Nhiệt Hà* [ghi lại diễn tiến việc phái đoàn Triều Tiên từ khi rời kinh đô nước Hàn đến Nhiệt Hà] (từ ngày mồng 1 đến 15 tháng 7).

- Quyển II: *Khởi Nhiệt Hà chí Viên Minh Viên* [từ Nhiệt Hà đến Viên Minh Viên] (từ ngày 16 đến ngày 26 tháng 7).

- Quyển III: *Khởi Viên Minh Viên chí Yên Kinh* [từ Viên Minh Viên đến Yên Kinh] (từ ngày 27 đến ngày mồng 3 tháng 9).

- Quyển IV: *Khởi Yên Kinh chí Trấn Giang Thành* [từ Yên Kinh trở về Trấn Giang Thành] (từ mồng 3 tháng 9 về sau).

Xem ra, sứ thần Triều Tiên chỉ mất độ hơn 3 tháng tính cả đi và về [cống sứ nước ta đi mất hàng năm] vì Triều Tiên cách Bắc Kinh không xa. Cũng vì thế, năm nào triều đình Hàn Quốc cũng gửi một phái đoàn sang triều cống [trong khi nước ta hai, ba năm triều cống một lần và thường hai lần nhập một nên bốn hay sáu năm mới có một phái bộ] và vì thế họ cũng thân cận hơn những phiên thuộc khác của Trung Hoa.

Khi các sứ thần [kể cả phái đoàn Đại Việt] đến kinh đô thì vua Càn Long lại đang nghỉ mát tại Nhiệt Hà nên mọi người đều tiếp tục đi tới Ty Thử Sơn Trang để triều kiến. Vì phái đoàn nước ta quá đông nên chỉ vua Quang Trung và những tông thân quan trọng nhất cùng tới hành tại, ngoài ra lưu lại Bắc Kinh.

Trong 4 quyển *Yên hành kỷ*, đối với chúng ta quan trọng nhất là quyển II và III nhắc đến sự có mặt của phái đoàn Quang Trung trong

khoảng thời gian từ giữa tháng 7 đến cuối tháng 8, tính ra gần 40 ngày ở kinh đô nhà Thanh.

Những trích đoạn sau đây tuy chỉ tập trung vào việc gặp gỡ, trao đổi của hai phái đoàn Đại Việt và Triều Tiên nhưng thực tế hàm chứa nhiều chủ đề, không phải chỉ là những thăm hỏi xã giao bình thường. Sứ thần Triều Tiên tương đối am tường tình hình nước ta, về địa lý, phong thổ, sản vật cũng như nhân văn, chứng tỏ họ đã chuẩn bị và quan tâm đặc biệt. Họ còn cẩn thận sao chép một số văn chương, chiếu biểu mà nước ta không lưu trữ, trong đó có cả mấy bài thơ xướng họa với Phan Huy Ích và Vũ Huy Tấn.

Về diễn tiến sự việc, vì phái đoàn Triều Tiên đến sau phái đoàn nước ta mấy ngày [vua Quang Trung và tòng thần đến Nhiệt Hà ngày 10/7, triều cận ngày 11 còn phái đoàn Triều Tiên đến ngày 16/7], nên không có tường thuật cụ thể về đại lễ “bảo kiến thỉnh an” là một nghi thức đón tiếp lịch sử giữa vua Càn Long và vua Quang Trung rất hiếm có. Thành thử họ chỉ đề cập đến rất tổng quát là “*đãi bằng nghi lễ đặc biệt cho Quang Bình và tòng thần được thăm 72 cảnh ở hành cung*” có lẽ nghe nói lại từ những người đã tham dự.

Trong những ghi chép của phái đoàn Triều Tiên, có những ghi nhận hoàn toàn tường thuật, nhưng cũng không ít phê phán. Các chi tiết khác về chuyến công du của phái đoàn Quang Trung sẽ được trích dẫn thêm trong hai biên khảo “Phái đoàn Đại Việt và lễ bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông” và “Sơ kiến hôn như cộ thức thân”.

Yên hành kỷ, Quyển II, trang 70-79

Các sứ đoàn vào ăn yến, xem tuồng và trình tiến hạ biểu (biểu chúc mừng vua Càn Long). Đây là một đoạn khá dài, trong sách tổng cộng hơn 10 trang, mỗi trang chụp lại hai tờ, gồm 4 trang giấy bản [9 dòng, mỗi dòng 21 chữ], tổng cộng như vậy phải gần 8.000 chữ. Ngoài phần gặp gỡ và trao đổi với sứ thần nước ta, sứ thần Triều Tiên còn ghi lại nhiều chi tiết về lịch sử, lai lịch Nguyễn Quang Bình [vua Quang Trung], tổ chức hành chánh Thanh triều...

Ngày Giáp Ngọ 16/7

...*Thiết Thị lang* [tức Lễ Bộ Thị lang Thiết Bảo] đưa chúng tôi [tức sứ thần Cao Ly] ngồi vào phía các sứ thần, đầu tiên là Triều Tiên, kế đến là An Nam, sau nữa là Nam Chửơng, sau nữa là Miến Điện, rồi đến sinh phiên [đầu mục Đài Loan].

Thân vương, bối lạc, bối tử các bộ đại thần ngồi ở giải võ phía đông, hàng đôi, tay trái hướng về phương bắc. *Thân vương, bối lạc, bối tử* ngồi hàng trước, đại thần ngồi hàng sau. *Chư vương bốn bộ tộc Mông Cổ và vua An Nam, bối lạc, bối tử và sứ thần các nước* ngồi ở giải võ phía tây, hàng đôi, tay phải hướng về phương bắc. *Chư vương, bối lạc, bối tử* ngồi hàng trước, sứ thần ngồi hàng sau.

Vào giờ Mão sáu phân thì tuồng bắt đầu, đến giờ Mùi một khắc năm phân thì chấm dứt... [Lược một đoạn chép tên 16 vở tuồng. BBT]. Trong những màn đó có cả tiên lẫn Phật [Lão giáo và Phật giáo], có cả quỷ lẫn thần, có cả đế lẫn vương, tiết tấu thanh điệu, mỗi màn một khác nhưng nói chung đều là lời lẽ chúc thọ, hoặc 32 tướng trang nghiêm của Như Lai [Phật Thích Ca] ngồi xếp bằng trên đài sen, trên đỉnh khi mở cửa ra cho hăng sa giới [恒沙界] thì thấy có đến vài trăm La Hán quỳ đứng hai bên, đầu đội vòng hào quang vàng tía [tử kim viên quang - 紫金圓光], trên người mặc cả sa gấm, tóc quấn thành lợn,⁽⁶⁾ mắt lim dim tụng kinh bằng tiếng Phạn. Trong khi đó trên dưới có các xe mây và các vị tiên mũ vàng đai ngọc qua lại thì triển 36 phép màu. Các thần tướng mặc giáp phục đứng hầu trông thật oai nghi, khí tượng hùng tráng. Lại thêm tiên đồng vài trăm đứa cầm dương kính, áo quần sắc sỡ, xoay tròn, tiến thoái múa may...

Theo sách vở để lại, những người trung hiếu tiết nghĩa mới được diễn để làm gương tốt cho dân chúng. Trong bữa tiệc đồ ăn được dọn lên ba lần, lần đầu sau khi dọn đi thì được mời uống trà sữa [lạc trà - 酪茶]⁽⁷⁾ và lần thứ ba sau khi dọn đi thì được mời trà xanh [thanh trà - 清茶]. Tháng này [tức tháng 7 âm lịch năm Canh Tuất, 1790] có bảy bữa tiệc nhưng ba lần ngày mồng 9, 11 và 13 thì đã qua, chúng tôi chỉ dự từ tiệc thứ 4 trở đi.

Trước khi các vở tuồng chấm dứt, Hòa Khôn đi ra thu các biểu văn chúc mừng [tiến hạ biểu văn - 進賀表文] và văn ca tụng đất nước thịnh trị [bang khánh tư văn - 邦慶咨文] đưa lên cho hoàng đế. Một lúc lâu sau mới truyền cho Thiết Bảo là nhà vua đã đọc xong các biểu văn. Các biểu văn được Bộ Lễ ở hành tại gom lại để gửi về Bộ Lễ ở kinh đô.

Bộ Lễ lại mở biểu tư ra cho An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình xem nói: “Nét chữ ngay ngắn, phẩm chất giấy sạch sẽ tinh khiết, Triều Tiên đối với việc thờ nước lớn kính cẩn thế này, có thể làm khuôn mẫu cho các phiên thuộc khác”. Vua An Nam xem đi xem lại mấy lần, tám tấc khen ngợi.⁽⁸⁾

... Hán Thượng thư Bộ Lại là Bành Nguyên Thụy hỏi tôi [Từ Hạo Tu]: “Quý quốc có Hải Đông bí sử, Đông Quốc thanh thi hai quyển sách, liệu cho xem có được chăng?”. Tôi đáp: “Tiểu bang vốn không có bí sử, chỉ có Cao Ly sử của Trịnh Lâm Chỉ, Kim Phú Thúc, Tam quốc sử, hiện nay vì đi xa nên không mang theo. Về thơ thì có Đông thi tuyển làm đời Khang Hy mà thôi, còn không có tuyển tập nào khác. Ngoài ra Vương Sĩ Trinh người Ngự Dương có Đông Sĩ giải thanh thi truyền lại.

Bành nói: “Cổ văn chân bản quý quốc quả có thật hay không?”

Tôi đáp: “Cuốn Tề Đông hảo quái là truyện hoang đường, ngay như Thượng thư Nhật Bản trong Kim cổ văn nguyên dẫn lời Cố Đình Lâm⁽⁹⁾ cũng đã phân biện minh bạch, những ngụ ý như thế không nên nói đến làm gì”.

Bành nói: “Đình Lâm là người học rộng có thể coi như đứng đầu, kinh lịch nhiều lại còn khảo sát tinh tường. Kết phụ pháp của quý quốc so sánh với khoảng mẫu pháp của Trung Quốc khác nhau, giống nhau thế nào, cho nghe có được chăng?”

Tôi đáp: “Điền chế của tiểu bang thì mười bả [把] thành một thúc [束], mười thúc thành một phụ [負], một trăm phụ thành một kết [結]. Còn Trung Quốc điền chế thì mười bộ [步] thành một phân [分], mười phân thành một mẫu [畝], trăm mẫu thành một khoảnh [頃] cho nên kết phụ của tiểu bang cũng chính là khoảnh mẫu của Trung Quốc. Còn lượng xích của tiểu bang lấy Chu xích làm chuẩn. Bảy xích của Trung Quốc thì bằng sáu xích đời Chu. Cho nên một bả là vuông vức một Chu xích, bốn mươi chín xích một bộ là vuông vức ba mươi sáu Chu xích. Do đó kết và khoảnh có nhiều ít khác nhau.”

Quốc vương An Nam Nguyễn Quang Bình hỏi Chánh sứ [tức Hoàng Nhân Diễm]: “Quý quốc có lệ đích thân nhà vua sang châu thiên tử hay không?”. Chánh sứ đáp: “Nước đông chúng tôi [Cao Ly ở phía đông Trung Hoa nên tự xưng là Đông quốc, cũng như nước ta là Nam quốc] từ khi mở nước đến nay không có lệ đó”.⁽¹⁰⁾ Vua nước kia nói: “Nước An Nam từ xưa đến nay cũng không có lệ này. Thế nhưng quả nhân vì ơn lớn như trời cao đất dày của hoàng thượng nên mới thành kính mà qua chiêm cận là việc xưa nay chưa từng có. Vượt đường sá xa xôi hiểm trở hơn vạn dặm, việc phi thường lẽ nào không báo đáp bằng việc chẳng bình thường”. Lại hỏi tôi: “Đường từ quý quốc tới đây xa bao nhiêu?”. Tôi đáp: “Từ kinh đô nước tôi theo đường bộ đi về phía nam tới biên giới Phủ Sơn [釜山] hơn một nghìn dặm. Từ Phủ Sơn theo đường biển tới đảo Đối Mã [對馬] bảy trăm bảy mươi dặm, từ đảo Đối Mã theo đường biển đến Xích Gian Quan [赤間關] thêm một nghìn bảy mươi dặm. Từ Xích Gian Quan theo đường biển đến Điển Phố [淀浦] một nghìn bốn trăm năm mươi dặm, từ Điển Phố đi đường bộ đến cửa Giang Hộ [江戸] một nghìn ba trăm mười dặm nữa”.

[An Nam] Vương lại hỏi: “Đời Vạn Lịch từ khi dẹp được loạn Tú Cát trở về sau như thế nào?”. Tôi đáp: “Quan Bạch hôm nay là hậu duệ của Nguyên Gia Khang, không phải là dòng giống Tú Cát”. Tòng thân Lại Bộ Thượng thư Phan Huy Ích lại hỏi: “Như tôi được biết, năm Đinh Dậu đời Vạn Lịch, Phùng Lý [đây là Phùng Khắc Khoan và Lý Túy Quang] hai người xướng họa ở Ngọc Hà Quán quả là kỳ ngộ nghìn năm có một. Trong thơ văn tập của Lý tiên sinh có để lại không?”. Tôi đáp: “Tập thơ của Chi Phong [tên hiệu của Lý Túy Quang] có chép nhiều thơ của họ Phùng”. Rồi hỏi lại: “Nghị Trai [tên hiệu của Phùng Khắc Khoan] có thơ văn tập hay không?”. Phan đáp: “Có thơ để lại và trong Vạn thọ thánh tiết khánh hạ thì cũng có chép cả văn của Chi Phong”. Tôi [Hạo Tu] đọc:

Sơn xuất dị hình nhiều tượng cốt,
Địa chưng linh khí sản long hương.
[山出異形饒象骨，地蒸靈氣產龍香]⁽¹¹⁾

Đó là hai câu thơ rất đặc ý của Chi Phong, còn như:

Cực phán hồng môg khí,
Khu phân thượng hạ nhuyên.
[極判洪濛氣，區分上下壘]

chính là hai câu thơ hay của Nghị Trai.⁽¹²⁾

Phan [Huy Ích] nói: “Từ của Chi Phong thật là nhuần nhã, ý của Nghi Trai thật hào hùng, hai người quả là tài bá trọng [ngang ngửa nhau]. Năm Canh Thìn [1760] đời Càn Long, thư trạng quý quốc Lý công Huy Trọng cùng sứ thần nước tôi xướng họa để lại nhiều thơ hay, không biết hiện nay làm quan chức gì rồi?”.⁽¹³⁾

Tôi đáp: “Lý công văn từ hơn người nhưng bất chúc cổ nhân [khiêm tốn, không muốn làm quan to] nên chỉ làm chức Thị lang thôi. Sử chép rằng hai châu Giao Ái [địa danh cũ, khoảng từ Hà Nội xuống Thanh Hóa ngày nay] của quý quốc lắm lỗi lạc, hai châu Hoan Diễn [đất Nghệ An Hà Tĩnh hiện nay] lắm văn học, hiện nay ra sao?”.

Phan đáp: “Không còn được như xưa nữa”.

Tôi hỏi: “Quý quốc cương vực, phía đông là biển, tây giáp Lão Qua, nam giáp Chiêm Thành, bắc liền Quảng Tây, Vân Nam. Vậy các tỉnh ở quốc nội như thế nào?”.

Phan đáp: “Đông tây hơn một nghìn bảy trăm dặm. Nam bắc hơn hai nghìn tám trăm dặm. Hiện nay chia làm mười sáu đạo”. [Những chỗ gạch dưới là nhấn mạnh của người viết. NDC]

Tôi hỏi: “Cực bắc của quý quốc là mấy độ?”.

Phan đáp: “Tôi chưa từng học lịch tượng”.

Tôi nói: “Quý quốc thiên khoảnh gần xích đạo, khí hậu viêm nhiệt, mỗi năm trồng được hai mùa lúa phải không?”.

Phan đáp: “Đúng vậy”.

Tôi hỏi: “Hoắc hương, nhục quế của quý quốc sản sinh thực là giai phẩm, phải không?”

Phan đáp: “Hoắc hương của đất Quảng Tây cũng tốt lắm. Còn nhục quế nước tôi sản xuất thì quả tốt thật. Nói đến quế thì phải nói đến Thanh Hóa nhưng mấy năm gần đây trải qua chinh chiến, các rừng quế bị tan nát nên kiếm được quế tốt cũng khó.”

Tôi hỏi: “Từng nghe An Nam sứ thần búi tóc thả ra phía sau, đội mũ sa đen, mặc hồng bào tay áo thụng, cài trâm đôi môi vàng, chân đi giày da đen giống như quan phục nước chúng tôi. Nay thấy quý quốc lại mặc y phục Mãn Châu, lại không bịt đầu, vậy là thế nào? Quan phục quý quốc vốn giống Mãn Châu hay sao?”

Phan đáp: “Hoàng thượng khen ngợi quả quân nước tôi đích thân sang châu nên đặc biệt ban cho xe và y phục, lại thưởng cho cả bồi thân nữa. Thế nhưng hoàng thượng cũng dụ rằng khi lâm triều, tế lễ ở kinh thì mặc y phục bản quốc [tức y phục của nước ta], cũng như khi về nước thì lại mặc bản phục. Quần áo này chẳng qua chỉ là nhất thời đấy thôi.”

Lời nói có chừng lúng túng, vẻ mặt ngượng ngập.

Sứ thần các nước đến kinh theo lệ do Quang Lộc Tự cấp cho lương thực nhưng đây là nơi hành tại không có Quang Lộc Tự, sứ thần, tòng thần, tòng

nhân các nước đều do Nội Vụ Phủ cung cấp, đồ ăn rất nhiều và sạch sẽ vì do chỉ của hoàng đế...

...Vua An Nam Nguyễn Quang Bình tên trước là Huệ vốn dòng dõi thế tộc đất An Nam, sống ở Quảng Nam [đây là tên chỉ toàn bộ Đà Nẵng, không phải chỉ Quảng Nam như ngày nay], con nhà làm ruộng [điền xá - 田舍], vì họ Lê hèn yếu nên tụ tập dân chúng nổi lên công hãm kinh đô, lại giết vua rồi soán vị.

Thế tử Lê Duy Kỳ cùng mẹ chạy trốn đến Quảng Tây cáo cấp xin cứu viện. Tổng đốc tỉnh đó là Phúc Khang An nghe [lệnh] hoàng đế sai tướng quân [tỉnh đó] là Tôn Sĩ Nghị phát binh chinh thảo, chiếm lại kinh thành, Nguyễn Huệ thua trận chạy về Quảng Nam.⁽¹⁴⁾ Lê Duy Kỳ được phong làm An Nam quốc vương.

Hoàng đế hạ chiếu cho Sĩ Nghị rút quân về. Huệ nghe tin quan binh đã triệt hồi liền cử đại binh vây đánh kinh đô. Duy Kỳ bỏ tông miếu, xã tắc trốn chạy, lẫn vào trong dân chúng.⁽¹⁵⁾ Huệ chiếm được kinh đô, đổi tên thành Quang Bình đem vàng bạc, châu báu hối lộ cho Phúc Khang An để Khang An tâu lên rằng Bình đã thành tâm quy phục, Duy Kỳ hèn nhát không xứng đáng.

Hoàng đế xem lời tâu, tha tội cho Quang Bình, chiếu rằng:

An Nam tuy ở nơi góc biển nhưng việc hưng suy cũng có quan hệ đến khí vận. Lê Duy Kỳ mềm yếu nên trời đã ghét bỏ. Trẫm giải quyết công việc thuận theo ý trời mà làm. Nguyễn Quang Bình hối tội đầu thành [thành tâm quy phục], tình tự tha thiết, xin sang năm đích thân đến kinh [Bắc Kinh], cung chúc vạn thọ, lại vì các tướng sĩ chết trận của thiên triều lập đàn cúng tế, đủ biết thực lòng cung thuận.

Lê Duy Kỳ đã bỏ ấn chạy trốn, như vậy không còn lý nào lấy nước cho y lần nữa nên trẫm đã sai quan sang sắc phong Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương.

Nhà vua lại triệu cựu vương là Lê Duy Kỳ cho làm chức tham lãnh [phụ chú vô chức tam phẩm, thực ra là tá lĩnh] cùng thân thuộc, tông thân chín mươi hộ vào kỳ binh Hán quân, sống ở bên ngoài An Định Môn, thực ra cũng là vì Quang Bình mà giam giữ vua tôi họ vậy.⁽¹⁶⁾

Họ Lê từ đời Vĩnh Lạc đã thụ phong trên ba trăm năm, dân Giao Chỉ được ân huệ rất nhiều. Duy Kỳ mất nước chẳng qua chỉ vì mềm yếu [nguyên văn ủy mị - 委靡] không chấn hưng lên được, tội thì nghịch của Quang Bình, phép vua ắt phải tru diệt mà thôi. Thế nhưng một sớm tông xã biến đổi, đất Giao Nam mấy nghìn dặm lẽ nào không có kẻ sĩ trung nghĩa, khẳng khái mưu đồ khôi phục cho nhà Lê giống như đời Vạn Lịch, Lê Duy Đàm trừ khử Mạc Mậu Hợp vậy.⁽¹⁷⁾

Tháng ba năm nay, Quang Bình từ An Nam khởi trình, tháng tư đến Quang Tây [Quảng Tây]. Hoàng đế sai Lễ Bộ Thị lang Đức Minh nghinh

đón, lại ra lệnh cho Nội Các bàn thảo về việc nghi lễ tương kiến của các quan với vua An Nam trên đường lên Yên Kinh.⁽¹⁸⁾

Tháng bảy, Quang Bình dẫn bảy tôi và liêu thuộc, tùy tùng tất cả một trăm tám mươi tư người đến Nhiệt Hà cống hiến một đôi hạc bằng vàng, một đôi kỳ lân bằng vàng, năm đôi tê giác [sừng con tê ngưu], mười đôi ngựa voi, hai con voi đã thuần dưỡng [huấn tượng], một trăm cân nhục quế, một nghìn cân trầm hương. Còn các món kỳ ngoạn khác không sao kể xiết. Lại tiến mười nhạc công An Nam để giúp trong khi diễn kịch.

Hoàng đế rất vui lòng nên đãi bằng nghi lễ đặc biệt [tức bảo kiến thỉnh an], cho Quang Bình và tông thân được thăm 72 cảnh ở hành cung⁽¹⁹⁾ [tức Nhiệt Hà], lại ngự chế một bài luật thi thất ngôn, chính tay viết bốn đại tự *Củng Cực Quy Thành* [拱極歸誠],⁽²⁰⁾ cùng ban thưởng ngự chế tập 20 quyển. Lại cho Quang Bình xe và y phục tước thân vương cùng triều phục ngũ phẩm cho tông thân, phong con cả của Quang Bình là Quang Toàn làm thế tử.⁽²¹⁾

Khi về đến Viên Minh Viên, mỗi khi hoàng đế vời Quang Bình đến gặp thì Phúc Khang An lại đứng bên ngoài cửa ghé tai nói thầm chỉ bảo cách tấu đối, đến khi lên điện thì lại kéo áo chỉ dẫn cách ngồi đứng, quỳ lạy. Khi tiếp riêng ở triều phòng thì Khang An đứng nói, còn Quang Bình quỳ đáp, thái độ thật là hèn hạ, chẳng điều gì mà không làm.

Chúng tôi trong các yến tiệc cùng với vua An Nam và tông thân Lại Bộ Thượng thư Phan Huy Ích [潘輝益], Công Bộ Thượng thư Vũ Huy Tấn [武輝璫] mỗi ngày đều ngồi gần nhau thù tạc.⁽²²⁾ Con trai Hòa Khôn là ngạch phò [tức phò mã, tên gọi con rể vua đời Thanh] lấy công chúa thứ 11 của hoàng thượng⁽²³⁾ đã từng nói với chúng tôi rằng: “Người An Nam không nên thâm giao”, lại nghe người đóng dấu⁽²⁴⁾ nói rằng ông lang trung mỗ ở Bộ Hình nơi triều phòng đã chỉ tông thân An Nam đi qua mà mắng: “Nguyễn Quang Bình là đồ nghịch tặc, bọn này cũng tông đảng với y!” Xem những lời uất ức của sĩ phu suy ra đủ biết Hòa Phúc [Hòa Khôn, Phúc Khang An] hai bên không phải là thuận hợp.

Quang Bình cốt cách khá thanh tú, hình dáng bệ vệ ra vẻ hào kiệt đất Giao Nam. Thế nhưng các bảy tôi đi theo tuy hơi giỏi văn tự nhưng thân thể nhỏ bé, yếu đuối, ăn nói, hành động giáo trá khinh bạc.⁽²⁵⁾ Họ vẫn thường nói với chúng tôi: “Tân vương vốn là người áo vải đất Quảng Nam, đối với họ Lê không có nghĩa quân thân”. Lại nói rằng: “Cung thất của tân vương vẫn là phụ nữ cũ của họ Lê nhưng sau này không thể không thay đổi biến ngạch”. Lại nói rằng: “Bọn chúng tôi chưa từng làm quan với nhà Lê, tước trật hôm nay đều do vua mới ban cho”. Giọng điệu tuy liến thoắng nhưng cũng có chiều ngượng ngập.⁽²⁶⁾

Hôm đứng vào tế ban ở Tịch Nguyệt Đàn nơi điện Thái Hòa mới thấy họ mặc y phục bản quốc. Vua của họ đầu quấn khăn,⁽²⁷⁾ đội mũ vàng bảy ngấn,⁽²⁸⁾ mình mặc long bào bằng gấm màu, đeo đai bằng ngọc trắng. Tông thân cũng quấn khăn, đội mũ đen năm ngấn, thân mặc măng bào nhưng

hoặc màu xanh, hoặc màu tía, đeo đai vàng, hình trên áo bác tạp, lạ lùng trông như phượng tuồng⁽²⁹⁾ khác xa cổ chế nước An Nam.

An Nam trước đây chia làm 13 đạo, nay chia thành 16 đạo đều là thay đổi của tân vương.⁽³⁰⁾

Ngày Bính Thân 18/7

...Sáng sớm ngày Bính Thân 18 ở Nhiệt Hà được hiểu thông quan [曉通官] đưa ba sứ thần đến Lệ Chính Môn [麗正門] bên ngoài triều phòng đợi đến khi trời sáng thì thông quan mới đưa chúng tôi vào cánh tây Diên Hí Điện [演戲殿] xếp hàng ở ngoài giáp môn, một lát sau hoàng thượng lên điện, thông quan mới đưa chúng tôi xếp thứ tự cũng như khi ăn yến.

Giờ Mão mười phân, tuồng bắt đầu diễn, tới giờ Mùi hai khắc thì vãn... [Lược một đoạn ghi tên 16 màn hát. BBT]. Sau đó mọi người lại được ăn tiệc, uống trà như hôm trước.

Khi đã xong, Lễ Bộ Thị lang Thiết Bảo nói với chúng tôi: “Có chiếu chỉ đòi An Nam vương và sứ thần Triều Tiên tiến điện bệ hạ.” Sau đó dẫn chúng tôi vào đứng ở dưới bệ trong điện phía tây và vờ An Nam vương vào, trong chốc lát đi ra, Hòa Khôn ra truyền chỉ của hoàng đế nói: “Sứ thần Triều Tiên vào.”

Tôi cùng chánh sứ, thư trạng tiến điện đến trước ngự tháp [tức ghế ngồi của hoàng đế]. Hoàng thượng mặc thường phục ngồi trên ghế trầm hương cao hai thước, trên lót vải màu đen có nệm hoa, sau lưng là bình phong trầm hương khắc sơn thủy, mây vật. Trước ghế có thảm thêu hoa văn màu vàng thẫm, còn hai bên trên bàn bày trực gấm, đầu bịt ngà có đến vài trăm cuộn. Hoàng thượng hỏi: “Các khanh quen với khí hậu bên ngoài chắc chưa hợp với thủy thổ, đi đường chắc là gian khổ lắm nhỉ?” Tôi và chánh sứ, thư trạng cùng khấu đầu thưa: “Nhờ hồng ân của hoàng thượng nên không có gì đáng lo cả.” Hoàng thượng lại hỏi: “Nước các khanh có người biết tiếng cổ Mãn Châu phải không?”. Chánh sứ tâu: “Trong số bồi thân có người từ ngoài đến nhưng đều từ Thịnh Kinh đến Yên Kinh mà thôi.” Hoàng thượng truyền: “Sau khi vãn tuồng trầm sẽ hồi loan [vua đi xa trở về] vạy các khanh về kinh đô trước để đợi.”...

Ngày Đinh Dậu 19/7 (tr. 81-82)

Ngày 19 Đinh Dậu, ở Nhiệt Hà sáng sớm hiểu thông quan đưa ba sứ thần đến Lệ Chính Môn bên ngoài triều phòng. Tờ mờ sáng lễ quan đưa tất cả chúng tôi vào Diên Hí Điện bên cánh tây ngoài giáp môn. Một lát sau hoàng thượng lên điện, thông quan dẫn chúng tôi vào ngồi theo thứ tự ăn yến. Đến giờ Mão một khắc năm phân thì tuồng bắt đầu, đến giờ Mùi ba khắc mười phân thì vãn hát... [Lược một đoạn ghi tên 16 màn hát. BBT]. Ăn bánh uống trà cũng như hôm trước.

Vãn tuồng rồi, tiễn các lão Hòa Khôn theo lệnh vua ban tặng cho tất cả những ai dự buổi trà yến hôm đó. Tôi và chánh sứ mỗi người được một bình sứ, một bát sứ, một đĩa sứ, một khay trà bằng ngà. Thư trạng quan được một bát sứ, một đĩa sứ và một khay trà bằng ngà.

Xướng họa thi văn

Lại Bộ Thượng thư nước An Nam là Phan Huy Ích, Công Bộ Thượng thư Vũ Huy Tấn mỗi người đưa đến cho chúng tôi một bài luật thi thất ngôn để yêu cầu họa lại. Thơ của Phan như sau:

居邦分界海東南，
共向明堂遠駕驂。
文獻夙徵吳道在，
柔懷全仰帝恩覃。
同風千古衣冠制，
奇遇連朝指掌談。
騷雅擬追馮李舊，
交情勝似飲醇甘。

Dịch âm

*Cư bang phân giới hải đông nam,
Cộng hướng minh đường viễn giá tham.
Văn hiến túc trưng ngô đạo tại,
Nhu hoài toàn ngưỡng đế ân đàm.
Đồng phong thiên cổ y quan chế,
Kỳ ngộ liên triều chỉ chưởng đàm.
Tao nhã nghĩ truy Phùng Lý cựu,
Giao tình thắng tự ẩm thuần cam.*

Dịch nghĩa

Hai nước phân giới một ở phía đông biển một ở phía nam biển,
Nơi xa xôi cùng đến chỗ minh đường [triều đình Trung Hoa].
Xem văn hiến biết rằng chúng ta đều có đạo lý,
Cùng ngưỡng mộ ân điển của hoàng đế theo chính sách nhu hoài [mềm dẻo đối với phiên thuộc ở xa].
Áo mũ quan lại đều theo lối từ nghìn xưa,
Cuộc kỳ ngộ cùng một triều nói chuyện bằng cách viết chữ bằng ngón tay lên lòng bàn tay.
Đối với nhau tao nhã như họ Phùng gặp họ Lý khi trước,
Giao tình còn hơn cả uống rượu ngọt.

Thơ của họ Vũ như sau:

海之南與海之東，
封域雖殊道脈通。
王會初來文獻並，
皇莊此到觀瞻同。
衣冠適有從今制，
縞紵寧無續古風。
伊昔使華誰似我，
連朝談笑燕筵中。

Dịch âm

*Hải chi nam dữ hải chi đông,
Phong vực tuy thù đạo mạch thông.
Vương hội sơ lai văn hiến tinh,
Hoàng trang thử đảo cận chiêm đồng.
Y quan thích hữu tòng kim chế,
Cảo trữ ninh vô tục cổ phong.
Y tích sứ Hoa thùy tự ngã,
Liên triều đàm tiểu yển diên trung.*

Dịch nghĩa

Phía nam biển và phía đông biển,
Khu vực tuy khác nhau nhưng chung một đạo học.
Mới đến tụ hội ở triều đình nhưng văn hiến cũng thế,
Y phục của nhà vua nên cũng đều để chiêm cận [triều kiến vua Thanh].
Áo mũ tuy theo chế độ mới [triều đình Quang Trung],
Trao đổi quà cáp theo tục ngày xưa.
Việc đi sứ Trung Hoa ai được như chúng ta,
Cùng một triều đình cười nói trong bữa tiệc.

Tôi họa lại hai bài đưa cho họ cùng tặng thêm mười cái quạt và mười hoàn thuốc thanh tâm nguyên. Họa thơ họ Phan như sau:

何處青山是日南，
灣陽秋雨共停驂。
使華夙昔修隣好，
聲教如今荷遠覃。
法宴終朝聆雅樂，
高情未暇付清談。
新詩讀罷饒風味，
頓覺中邊似蜜甘。

Dịch âm

*Hà xứ thanh sơn thị Nhật Nam,
Loan Dương thu vũ cộng đình tham.
Sứ Hoa túc tích tu lân hảo,
Thanh giáo như kim hạ viễn đàm.
Pháp yến chung triều linh nhã nhạc,
Cao tình vị hạ phó thanh đàm.
Tân thi tộc bãi nhiều phong vị,
Đốn giác trung biên tự mật cam.*

Dịch nghĩa

Nhật Nam là xứ nào ở vùng núi xanh,
Cùng dừng ngựa nơi Loan Dương⁽³¹⁾ lúc mưa thu.
Trước đây cũng đã từng đi sứ Trung Hoa gần gũi vui vẻ,
Hôm nay nhờ thanh giáo nên ơn lan đến nơi xa.
Sáng đến chiều dự yến xong lại được xem hát,

Cao tình nhưng chưa có dịp để đàm luận với nhau.
Thơ mới gửi đến thật đầy phong vị,
Chợt thấy như bên trong hương vị ngọt ngào.

Họa thơ họ Vũ như sau:

家在三韓東復東，
日南消息杳難通。
行人遠到星初動，
天子高居海既同。
桐酒真堪消永夜，
飛車那得溯長風。
知君萬里還鄉夢，
猶是鈎陳豹尾中。

Dịch âm

*Gia tại Tam Hàn đông phục đông,
Nhật Nam tiêu tức yếu nan thông.
Hành nhân viễn đáo tinh sơ động,
Thiên tử cao cư hải ký đồng.
Đồng tửu chân kham tiêu vĩnh dạ,
Phi xa na đắc tố trường phong.
Tri quân vạn lý hoàn hương mộng,
Do thị câu trần báo vĩ trung.*

Dịch nghĩa

Nhà tôi ở phía đông của Tam Hàn,⁽³²⁾
Tin tức từ Nhật Nam⁽³³⁾ khó tới được.
Người từ xa đến ánh sao sớm lấp lánh,⁽³⁴⁾
Nhưng thiên tử ở trên cao đối xử bốn biển cũng như nhau.
Đêm dài cùng uống rượu để giải khuây,
Xe bay cũng không dễ gì gặp gió mạnh.
Biết ông đang nhớ nhà ở nơi xa vạn dặm,
Nhưng vì việc nước nên vẫn phải theo xe vua mà đi.

Nhận xét

Trong khi yến tiệc và nghỉ ngơi, giữa quan lại Trung Hoa và các sứ thần, giữa nước nọ với nước kia có những trao đổi ngoài lề là một hình thức vừa thông tin, vừa chứng tỏ sự hiểu biết của hai bên về đối phương. Chúng ta cũng biết việc đàm luận đó khi không trực tiếp bằng ngôn ngữ [có thông dịch viên] thì người nọ viết vào bàn tay người kia để thông tin [chỉ chưởng đàm]. Chính vì thế, việc ghi nhận người nước ta liên thoắt là chỉ âm thanh khi người nước ta nói chuyện với nhau, không phải khi trao đổi với họ vì lễ sứ thần An Nam không biết tiếng Triều Tiên. Chúng ta cũng đã từng nghe người Trung Hoa bảo rằng âm vận tiếng An Nam nghe như chim ríu rít còn người mình thì bảo tiếng người Hán uệch oạc như ếch kêu.

Tuy chỉ là hình thức xã giao, những lời đối đáp vẫn ẩn giấu những sự tranh đua quốc thể. Vì vị thế của nước ta nổi bật trong chuyến đi này nên

ghi nhận của phái đoàn Triều Tiên có nhiều thiên kiến nên chúng ta không thể không đề cập khi sử dụng tài liệu của Triều Tiên.

Một điểm khá rõ rệt, vua Quang Trung quan tâm nhiều về chính tình và tương quan giữa Cao Ly với Trung Hoa trong khi các tông thần lại để ý đến việc trao đổi văn chương, thi phú. Sự quan tâm đó cũng có lý do. Nước ta từ trước đến giờ không được coi như một phiên thuộc hạng nhất, luôn luôn dưới Triều Tiên một bậc và bị coi là man di. Khi đề cập đến An Nam, Việt Thường, người Trung Hoa đều gắn liền với hải ngưng [ở góc biển], chương lệ [chương khí, dịch lệ], ngôn ngữ khó hiểu, lạ lùng phải hai lần dịch [trùng dịch]. Khi cần khen ngợi, người ngoài cũng ít khi đề cập đến văn hiến mà chỉ nhắc đến phương vật như ngà voi, sừng tê, diên hương, trầm, quế... là những cống phẩm phải dâng nạp. Những định kiến đó đã hằn sâu trong tâm thức nên dù chốn văn chương hay chính sách ngoại giao cũng đều coi đó là tâm điểm. Việc thay đổi quan niệm không chỉ một sớm một chiều nên sứ thần Đại Việt luôn luôn muốn chứng minh những gì họ biết về chúng ta không phải là sự thật. Không hiếm những lần người Việt phải đấu trí để họ khỏi miệt thị, gọi chúng ta bằng những từ xách mé.

Chỉ trong vài câu chuyện ngắn ngủi, Phan Huy Ích và Vũ Huy Tấn đã nhắc đến những lần gặp gỡ trước, từ Phùng Khắc Khoan với Lý Túy Quang đến Lê Quý Đôn và Lý Huy Trọng không phải chỉ nhấn mạnh về giao tình giữa hai bên mà cả về văn tài của những người đi trước.

Có lẽ chính vì ngấm cảm thấy bị lép vế, sứ thần Triều Tiên đã ghi chép nhiều chi tiết không mấy trung thực, có thể từ quan lại nhà Thanh ở kinh đô hay cả những lời kết án từ một số vong thần nhà Lê đang bị an tháp. Ít nhất chúng ta cũng có thể nêu ra một số sai lầm: Nguyễn Huệ không giết vua Lê mà Lê Hiên Tông chết vì già yếu. Lê Duy Kỳ không đến Quảng Tây để cầu viện và Phúc Khang An không phải là cấp trên của Tôn Sĩ Nghị. Để khỏi bẽ mặt, nhà Thanh giấu đi việc thua trận mà nói rằng sau khi quân đã triệt hồi, Nguyễn Huệ mới đem quân ra đánh, trút những tiêu cực cho vua tôi nhà Lê.

Trong tấu thư ngày mùng 2 tháng 7 năm Canh Tuất, Phúc Khang An cho biết vì phái đoàn An Nam quá đông, việc sắp xếp phương tiện di chuyển từ kinh đô lên Nhiệt Hà gặp trở ngại nên phần lớn phải để lại Yên Kinh [thay vì đi cùng Nguyễn Huệ]. Cũng theo lời tâu, vì số người của nhóm Lê Duy Kỳ bị an tháp tại đây khá nhiều nên Kim Giản phải tìm cách ngăn chặn không cho họ gặp nhau để tránh xung đột [*Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 29, tr. 16]. Không biết rõ diễn tiến nội vụ, phe chống Nguyễn Huệ tin rằng việc phái đoàn Quang Trung sang Bắc Kinh chỉ là kế của nhà Thanh để dụ Nguyễn Huệ sang bắt và trị tội vì đã dám chống lại thiên triều, phản ảnh tâm lý thông thường của người thất trận.

Phái đoàn Triều Tiên cũng không nắm vững một chi tiết quan trọng. Ngoài những gặp gỡ, yến tiệc theo điển lệ, vua Quang Trung lại đặc biệt được giao phó hai nhiệm vụ ngoài dự liệu: bồi tế vua Thanh trong đại lễ ở

Tịch Nguyệt Đàn và thay mặt vua Cao Tông tế ở Sùng Thánh Từ [vì vua Càn Long bận tế ở Văn Miếu]. Nguyễn Huệ vốn không thông hiểu điển lệ nhà Thanh nên trong khi gấp rút Phúc Khang An phải thực tập cho ông và hai người đóng kịch để khi hành lễ khỏi thất thố. Ngoài ra, ông cũng được chỉ định cầm đầu phái đoàn ngoại phiên đón vua Cao Tông ở Bắc Kinh khi nhà vua từ Nhiệt Hà trở về để khai mạc đại lễ khánh thọ. Nghi lễ Thanh triều rất phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian tập luyện, không thể chỉ nói miệng mà xong. Chính ân điển bất thường đó khiến cho các thân vương nhà Thanh có ác cảm vì chính họ không được giao nhiệm vụ quan trọng này mà lại giao cho một phiên vương. Tuy nhiên, cũng có thể vua Càn Long không muốn xác định một cách gián tiếp là hoàng tử nào sẽ được truyền ngôi [người ông yêu quý nhất là Chất Thân Vương Vĩnh Dong mới qua đời vài tháng trước].

Chúng ta cũng biết thêm một chi tiết khá quan trọng khi triều đình Quang Trung được thành lập: Nguyễn Huệ đã nạp tất cả những cung nữ của nhà Lê, một thói tục khá quen thuộc của các quốc gia Nam Á khi kẻ thắng chiếm kinh đô. Trong nhiều vương quốc, vua mới còn nạp cả con gái hay thân quyến vua cũ làm tỳ thiếp coi như chiến lợi phẩm. Tương tự như thế, khi vua Gia Long chiếm Bắc Hà, trong số nạp phi có cả Lê Thị Ngọc Bình là cung nhân của Nguyễn Quang Toản, tương truyền là công chúa nhà Lê⁽³⁵⁾ [nhưng có lẽ không phải con vua Hiến Tông mà là một tông nữ thì phải hơn].

Y phục triều đình thời Tây Sơn cũng khác với tiền triều, cải cách pha chế nhiều thể loại Hán, Minh và có thể cả y phục Đàng Trong. Trước đây, y phục của sứ thần nước ta là áo thụng màu đỏ, đội mũ cánh chuồn như ghi nhận trong *Hoàng Thanh chức cống đồ quyển* [皇清職貢圖卷] (phần An Nam)⁽³⁶⁾ nhưng nay “theo chế độ mới” không còn giống như thời nhà Lê.

Kết luận

Chuyến công du lịch sử của phái đoàn Đại Việt được các sứ thần Triều Tiên quan sát rất tỉ mỉ và ghi lại khá tường tận. Ngoài đích thân vua Quang Trung và con trai là Nguyễn Quang Thùy [về nước trước vì bệnh], chúng ta cũng ghi nhận một số nhân vật tên tuổi ở hàng võ như Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phạm Công Trĩ [hộ tống Nguyễn Quang Thùy về nước trước], Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công. Về hàng văn chúng ta thấy có Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn... đều là những danh Nho.

Nếu chỉ xét đơn thuần việc gặp gỡ của hai sứ bộ với một vài lần trao đổi văn chương chúng ta khó có thể hình dung được vấn đề một cách toàn vẹn. Thực ra, đúng như cổ nhân vẫn thường đánh giá những người mang trọng trách đi ra nước ngoài là làm sao cho khỏi nhục quân mệnh vì đây không phải là một vấn đề cá nhân mà là quốc thể. Sông Bằng Bế Lăng Ngoạn đã viết:

Xem như vậy thì sứ-mệnh của những tuế cống sứ rất quan trọng và rất bác tạp. Dem chuông đi đánh nước người, các vị ấy không những phải luôn luôn giữ nguyên quốc-thể lại còn cố gắng làm cho người Trung-Hoa cảm phục nữa.

Thường thường một tuế cống sứ sang Tàu khi đã dâng quốc thư, cống phẩm nhận tước phong v.v..., là nhiệm vụ đối với vua, với nước đã thanh thỏa nhưng các vị đó còn gặng làm hơn thế và đã khiến người Việt Nam hiểu Trung Quốc hay trái lại, người Trung Quốc hiểu nước Việt Nam, không cần phải vượt qua cương giới.⁽³⁷⁾

Riêng lần này, một phần vì có vua Quang Trung cầm đầu phái đoàn, lại được xếp vào vị trí thân vương ngoại phiên nên việc đối đãi của triều đình nhà Thanh đều đặc biệt vượt bình thường.

Việc gặp gỡ phái đoàn Triều Tiên tưởng như chỉ là một hạnh ngộ ngoại giao nhưng thực ra là một mốc lớn trong vị trí, thứ bậc và vai trò của nước ta đối với Thanh triều. Cũng sau chuyến công du này, nhiều động thái kế tiếp với dụng ý nâng cấp rõ rệt liên quan đến quân sự, kinh tế, trao đổi văn hóa... nhằm xác định một tư cách mới đã được tiến hành rất lớp lang. Những chính sách về an ninh, quân sự, thương mại... được sự thỏa hiệp của Thanh triều đã giúp nước ta giải quyết được nhiều vấn đề mà bình thời phải mất nhiều công sức, thời gian. Tiếc thay, công lao của phái đoàn Quang Trung vẫn chưa được đánh giá đúng mức nếu không nói là còn bị xuyên tạc nên hậu nhân không một ai biết đến.

Trước đây, những phái bộ của nước ta sang Trung Hoa thường chỉ được nhìn qua lăng kính thân phục của nước nhỏ với nước lớn. Phái bộ ngoại giao lần này, ngoài những lễ tiết của triều đại còn phải được đánh giá dưới khía cạnh vai trò và vị thế, xác lập được một số tư cách mà từ trước chưa hề có được.

Tháng 10/2010

N D C

CHÚ THÍCH

- (1) Vì nhiều lý do, một số người đang đi thì phải quay về nên khi tới Bắc Kinh thì không đến con số này.
- (2) Theo nhiều tài liệu thì là Lý Tối Quang [李晄光]. Tên Lý Túy Quang chúng tôi dựa theo kết luận trong biên khảo rất công phu “Xung quanh cuộc gặp gỡ giữa sứ thần Đại Việt và sứ thần Triều Tiên” trong *Việt Nam tập chí*, Campbell, Calif., số ra mắt 7/1989, tr. 26-42.
- (3) *Việt Nam tập chí*, số ra mắt 7/1989, tr. 19.
- (4) 晄光於萬曆庚寅。蒙差書狀官賀聖節于京師。遇安南國使臣。各處異館。禁不得通。
Tối Quang ư Vạn Lịch Canh Dần, mông sai thư trạng quan hạ thánh tiết vu kinh sư. Ngô An Nam quốc sứ thần, các xứ dị quán, cấm bất đắc thông.
[Tối Quang năm Canh Dần đời Vạn Lịch, được sai đi làm thư trạng quan để mừng lễ thánh tiết ở kinh sư, gặp được sứ thần nước An Nam nhưng mỗi bên ở một quán khác nhau, cấm không được giao thiệp]. *Nam Phong tạp chí*, năm thứ XIV, số 152 [phần Hán văn].
- (5) Seoul, Minjok Munhwa Ch'ujinhoe, 1976.
- (6) Nguyên văn *loa thiếu* [螺髻], là lối tóc quấn của người Hồ, những tượng Phật cũng tạc theo lối này nên người Việt chúng ta gọi một cách tượng hình là “bụt ốc”.
- (7) Trà uống với sữa lên men của người Tây Vực, Mông Cổ.
- (8) Nguyên văn:
禮部爲可又以表咨展示安南國王阮光平曰。字畫整齊，紙品潔精，朝鮮於事大之節敬謹如此宜作他藩之儀式。安南王亦屢回看過，稱歎不已。

Lễ Bộ vi khả hựu dĩ biểu tư triển thị An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình viết. Tự hoạch chỉnh tề, chỉ phẩm khiết tinh, Triều Tiên ư sự đại chi tiết kính cẩn như thử nghi tác tha phiên chi nghi thức. An Nam vương diệc lữ hồi khán quá, xưng thán bất dĩ.

Việc này đã được nhắc đến trong *Triều Tiên thực lục* và các sách vở đã chép lại. Trong *Yên hành kỷ* không thấy nói rõ là Hòa Khôn mà chỉ nói là Bộ Lễ. Về việc so sánh các biểu văn các nước, Lý Quang Đào (李光濤) trong *Minh Thanh đáng án luận văn tập* (明清檔案論文集) trang 874 có một đoạn như sau:

“...Tại hành cung ở Nhiệt Hà, đại học sĩ Hòa Khôn đã tấm tắc khen biểu văn của Triều Tiên khi đưa cho quốc vương nước An Nam Nguyễn Quang Bình xem. Nay [chúng tôi - tức tác giả Lý Quang Đào] so sánh các biểu văn của An Nam còn tồn trữ trong văn khố cung đình nhà Thanh thì thấy quả thực chữ viết còn đẹp hơn cả Triều Tiên, riêng có “phẩm chất giấy” thì không được “trắng tinh” như của Triều Tiên mà thôi. Phẩm chất giấy tùy theo từng địa phương, giấy Cao Ly nổi tiếng là tốt đến như Tuyên chỉ của Trung Quốc cũng không bằng”. Cũng nên thêm một chút, theo như một số chi tiết của Triều Tiên thì Phúc Khang An và Hòa Khôn dường như không hẳn ăn cánh với nhau. Việc đưa biểu văn của Triều Tiên cho vua Quang Trung coi không biết có phải là một hành vi mang tính khiêu khích, coi nước ta không bằng họ. Nhận xét của Lý Quang Đào không thể không lưu tâm.

- (9) Túc Cố Viêm Võ, danh sĩ cuối đời Minh, đầu đời Thanh.
- (10) Trong bài *Liên hoàn thi* của vua Cao Tông và các đại thần đầu năm Kỷ Dậu cho biết vua Cao Ly cũng đã từng sang châu nhà Thanh.
- (11) Trong lần gặp Phùng Khắc Khoan, Lý Túy Quang đã tặng nhiều bài thơ [mục đích là để thử tài người nước ta]. Đây là một trong hai bài đầu tiên, toàn văn như sau:

萬里來從瘴癘鄉，遠憑重譯謁君王。提封漢代新銅柱，貢獻周家舊越裳。山出異形饒象骨，地蒸靈氣產龍香。即今中國逢神聖，千載風恬波不揚。

Vạn lý lai tòng chuương lệ hương, Viễn bằng trùng dịch yết quân vương. Đề phong Hán đại tân đồng trụ, Cố hiến Chu gia cựu Việt Thường. Sơn xuất dị hình nhiêu tượng cốt, Địa chưng linh khí sản long hương. Túc kim Trung Quốc phùng thần thánh, Thiên tải phong điểm ba bất dương. [Ông từ một nước nhiều chuương lệ từ vạn dặm đến đây. Đã đi xa mà còn phải hai lần thông dịch để yết kiến nhà vua. Từ đời Hán đã được nhắc đến với cái cột đồng. Đi cống nhà Chu nước cũ tên là Việt Thường. Núi có hình lạ nên nhiều xương voi. Đất nóng khí linh nên sản xuất ra long diên hương. Hôm nay đến Trung Quốc được gặp vua hiền. Nghìn xưa mới có một lần gió êm sóng không nổi lên].

Tuy bài thơ lời lẽ nhã nhặn nhưng không khỏi có ý cho rằng Phùng Khắc Khoan đến từ một nơi xa xôi, tuy sản sinh nhiều vật lạ nhưng chưa khai hóa.

Phùng Khắc Khoan họa lại:

異域同歸禮義鄉，喜逢今日共來王。趨朝接武殷冠帶，觀國瞻光舜冕裳。宴饗在庭沾帝澤，歸來滿袖惹天香。唯君子識真君子，幸得詩中一表揚。

Dị vực đồng quy lễ nghĩa hương, Hỷ phùng kim nhật cộng lai vương. Xu triều tiếp vũ Ân quan hân, Quan quốc chiêm quang Thuấn miện thường. Yến hưởng tại đình triêm đế trạch, Quy lai mãn tự nhạ thiên hương. Duy quân tử thức chân quân tử, Hạnh đắc thi trung nhất biểu dương. [Tuy ở khác khu vực nhưng cũng đều là đất lễ nghĩa. Hôm nay vui mừng cùng sang đất nhà vua. Đến triều thấy quan võ đội mũ theo lối nhà Ân. Còn nước đến chiêm cận thì y phục lại như đời vua Thuấn. Cùng ăn yến ở triều đình thấm nhuần ơn của hoàng đế. Khi về tay áo vẫn còn tỏa thiên hương. Chỉ có người quân tử mới biết được người quân tử khác. May được khen nhau bằng lời ở trong câu thơ].

- (12) Trong lần gặp gỡ này, Lý Túy Quang làm cả thấy 8 bài luật thi 6 câu 7 chữ, tất cả đều dùng vần hương, vương, thường, hương, dương. Phùng Khắc Khoan đều đáp lại, cả hai bên tổng cộng 16 bài, bài nào cũng xuất sắc.

Sau đó, Lý Túy Quang lại làm thơ ngũ ngôn, 10 vắn tặng Phùng Khắc Khoan, bài đầu tiên như sau:

聞道交南俗，民居瘴海壩。恩綸新雨露，封壤舊山川。界割羣蠻表，風連百越偏。時清呈瑞雉，水毒跼飛鳶。象自村童馭，香隨賈客船。沙邊饒蜮弩，淵底吐蛟涎。地氣先春暖，梅花未臘妍。貢憑重譯舌，家養八蠶眠。彩畫周王會。銅標漢史編。逢君還作別，相憶五溪煙。

Văn đạo Giao Nam tục, Dân cư chuồng hải nhuyên. Ân luân tân vũ lộ, Phong nhượng cựu sơn xuyên. Giới cát quần man biểu, Phong liên Bách Việt thiên. Thời thanh trình thụ trĩ, Thủy độc chiếm phi diên. Tượng tự thôn đồng ngư, Hương tùy cổ khách thuyền. Sa biên nhiều vực nỗ, Uyên để thổ giao diên. Địa khí tiên xuân noãn, Mai hoa vị lập phan. Cống bằng trùng dịch thoại, Gia dưỡng bát tầm miên. Thái họa Chu vương hội, Đồng tiêu Hán sử biên. Phùng quân hoàn tác biệt, Tương ức ngũ Khê yên.

[Nghe nói tục ở Giao Nam, Dân chúng sống ở biển nhiều chuồng khí. Nay được ơn mưa móc của nhà vua, Phong cho sông núi cũ. Biên giới ở bên ngoài các người Man, Khí hậu thì liền với Bách Việt. Khi được mùa thì chơi với chim trĩ, Khi nước độc thì thả diều. Trẻ con ở quê cuôi voi, Hương liệu đem bán cho khách đi thuyền tới. Cát ở bờ biển nhiều sâu bọ, Dưới vực thì con giao nhả dãi. Mùa xuân chưa tới mà trời đã ấm, Hoa mai chưa tháng chạp đã nở. Đi triều cống phải đến hai lần dịch, Ở nhà nuôi tầm ngừ. Trong hội nhà Chu vẽ tranh màu, Sử đời Hán đã nói tới cột đồng. Gặp ông rồi cũng chia tay, Nhưng dù xa xôi vẫn nhớ đến nhau].

Phùng Khắc Khoan họa lại:

極判洪濛氣，區分上下壩。東西南北界，淮海濟河川。越莫居初定，天中正不偏。周林驅虎豹，虞教樂魚鳶。閭巷開書塾，旗亭賣酒船。雨晴添象跡，風暖送龍涎。含忍強爲勝，摛文巧弄妍。萬花爭秀發，羣動任安眠。王道車書共，皇朝誌紀編。詩成聊使寓，霞燦海雲烟。

Cực phán hồng mông khí, Khu phân thượng hạ nhuyên. Đông tây nam bắc giới, Hoài Hải Tế Hà xuyên. Việt diện cư sơ định, Thiên trung chính bất thiên. Chu lâm khu hổ báo, Ngu giáo nhạc ngư diên. Lư hạ khai thư thực, Kỳ đình mại tửu thuyền. Vũ tinh thiêm tượng tích, Phong noãn tống long diên. Hàm nhận cường vi thắng, Trích văn sảo lộ phan. Vạn hoa tranh tú phát, Quần động nhậm an miên. Vương đạo xa thư cộng, Hoàng triều chí kỷ biên. Thi thành liêu sử ngụ, Hà sán hải vân yên.

[Khi nguyên thủy trời đất hỗn mang, Phân chia ra thành trên dưới. Địa giới chia thành đông tây nam bắc, Sông có sông Hoài, sông Hải, sông Tế, sông Hà. Nước Việt khi mới lập quốc, Ở giữa trời không nghiêng về bên nào. Đuổi hổ báo ở rừng nhà Chu, Bắt cá thả diều nghe nhạc vua Ngu Thuấn. Xóm nào cũng có lớp dạy học. Đình treo cờ bán rượu mua ở thuyền đem tới. Trời tạnh mưa có thêm dấu voi đến, Gió ấm thì mang theo long diên [nước dãi rồng dùng làm thuốc hay hương liệu]. Ai giỏi nhậm nhện thì là người thắng, Trích văn thì người khéo đua tranh với nhau. Muôn loài hoa tranh nhau phô vẻ đẹp, Mọi người cùng giữ cho nhau ngủ yên. Vương đạo đẩy xe sách, Ghi chép về các kỷ hoàng triều. Làm thơ nơi sứ thần ở, Mây khói ở biển thành ráng đẹp để].

- (13) Đây là phái đoàn nước ta gồm Chánh sứ Trần Huy Mật, Phó sứ Lê Quý Đôn, Thị chế Trịnh Xuân Chú cùng 9 tùy nhân khởi hành tháng 5 năm Canh Thìn [1760], về nước tháng 10 năm Tân Tỵ [1761]. Việc gặp các sứ thần Triều Tiên đã được ghi chép khá chi tiết trong *Kiến văn tiểu lục*. Xem *Lê Quý Đôn toàn tập*, Tập II: *Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điềm dịch (Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1977) tr. 223-9.

Trong tờ khai gọi chúa Trịnh khi trở về có nhắc đến việc gặp gỡ các sứ thần Cao Ly, Lưu Cầu. Xem Hoàng Xuân Hãn: “Vụ Bắc sứ năm Canh Thìn đời Cảnh Hưng với Lê Quý Đôn và bài trình bằng văn Nôm” (Sài Gòn, Tập san *Sử địa*, số 6, 1967) tr. 161.

- (14) Ở đây có ghi chú bằng chữ nhỏ “*Lý Đĩnh Nguyên* [李鼎元] và *Tôn Trung Thừa* [孫中丞] trong thơ về cuộc Nam chinh có viết: *Giặc Huệ bị thua có đem trâu bò rượu đến khao quân nhưng soái công* [nguyên soái tước công, tức Tôn Sĩ Nghị] *từ chối*.”

- (15) Nguyên văn: 惠聞官兵既撤復大舉圍王都。維祈棄宗社出奔，匿于民間 [*Huệ văn quan binh ký triệt phục, đại cử vi vương đô. Duy Kỳ khí tông xã xuất bốn, nặc vu dân gian*]. Chúng tôi nhấn mạnh “đã rút về” để nêu ra tin tức nhà Thanh loan truyền hoàn toàn sai sự thực trút lỗi cho Lê Duy Kỳ.
- (16) Nguyên văn “*kỳ thực vi Quang Bình cố kỳ quân thần dã*” [其實為光平錮其君臣也]. Cố tức là cấm cố, nay gọi là biệt giam.
- (17) Quan điểm này hẳn là ghi chép lại những lời nói cứng của nhóm di thần nhà Lê, không thể nào sứ thần Triều Tiên lại nắm vững sử sách nước ta đến thế.
- (18) Chính vua Cao Tông ra lệnh đặt ra một số điển lệ mới để đón vua Quang Trung vì đây là một biến cố chưa từng có. Rất tiếc những điển lệ này chúng tôi chưa tìm thấy nên chỉ có thể suy đoán.
- (19) Ghi chú thêm là “*nguyên lúc đầu vua Thánh Tổ kiến trúc 36 cảnh, hoàng thượng lại xây dựng thêm 36 cảnh nữa*”.
- (20) Thành thực quay về phương bắc.
- (21) Ghi chú thêm “*họ Lê lấy chữ Duy để truyền thế, cho nên họ Nguyễn cũng lấy chữ Quang để truyền thế*.”
- (22) Mời rượu qua lại [酬酢].
- (23) Chi tiết này thiếu chính xác vì vua Càn Long chỉ có 10 công chúa. Đây là con gái thứ mười [út] của nhà vua tức là Cố Luân Hòa Hiếu công chúa. Năm 14 tuổi [Càn Long 54, 1789] lấy con trai Hòa Khôn là Phong Thân Ân Đức [豐紳殷德]. Năm 1790, Phong Thân Ân Đức cũng chỉ mới 15 tuổi sao lại được giao thiệp với sứ thần?
- (24) Hai chữ này mờ và khó đọc, không biết là kiểm thư [檢書] hay thập thư [拾書], chúng tôi đoán là kiểm thư tức người đóng dấu các văn bản của triều đình.
- (25) Nguyên văn:
光平骨格頗清秀，儀容亦沉[沈]重似是交南之傑。然者從臣則雖稍解文字而軀材短小，殘劣，言動狡詐輕佻。
Quang Bình cốt cách phả thanh tú, nghi dung diệc trầm trọng tự thị Giao Nam chi kiệt. Nhiên giả tông thần tắc tuy sảo giải văn tự nhi khu tài đoản tiểu, tàn liệt, ngôn động狡詐 khinh diêu.
- (26) Nguyên văn *nữ ny* [忸怩] [thẹn thùng].
- (27) Nguyên văn *đầu tạp cương cân* [頭匪綱巾].
- (28) *Thất lương kim quan* [七梁金冠]. Theo sự tra cứu của chúng tôi, thất lương kim quan là mũ có bảy đường ngăn gờ lên, bắt chước quan phục đời Nguyên, Minh dành cho bậc thân vương hay hoàng tử. Cũng có thể vua Quang Trung mặc lối này để khỏi vượt quá phận phiên vương khi qua Bắc Kinh nhưng trong nước thì lại khác.
- (29) Nguyên văn *xương ưu* [倡優].
- (30) Từ Hạo Tu (徐浩修). *Yên hành kỷ* (燕行紀), Tuyển tập V (Seoul, Minjok Munhwa Ch'ujinhoe, 1976) phần phụ lục chính văn [chữ Hán] 76-78.
- (31) Một tên khác của Thừa Đức, tức Nhiệt Hà, thường viết là 潯陽.
- (32) Là tên ba nước nhỏ ngày xưa ở bán đảo Triều Tiên [Mã Hàn 馬韓, Thìn Hàn 辰韓 và Biện Hàn 弁韓].
- (33) Chỉ nước Việt ở phía nam Trung Hoa.
- (34) Coi vua Quang Trung là một tân vương giống như vì sao mới.
- (35) Phan Thúc Trực. *Quốc sử di biên* [Bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giảo] (Sài Gòn, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1973) tr. 74.
- (36) Phùng Hướng Anh [馮向英]. *Đại Thanh thập nhị đế nghi án* [大清十二帝疑案], quyển Trung (Trường Xuân, Cát Lâm văn sử xuất bản xã, 2005) tr. 443.
- (37) Sông Bằng Bế Lãng Ngoạn: *Việt Hoa thông sử sử lược* (Hà Nội, Quốc Học thư xã, 1943) tr. 139-40.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Bể Lãng Ngoạn (Sông Bằng). *Việt Hoa thông sử sử lược*, Hà Nội, Quốc Học thư xã, 1943.
2. Cố cung Bác vật viện (故宫博物院). *Khâm định An Nam kỷ lược* (欽定安南紀略) (bản chụp lại gồm 30 quyển). Hải Nam, Hải Nam xuất bản xã, 2000.
3. Khương Tấn Phát (姜晉發). “Thanh đại Bắc Kinh thượng lưu xã hội phổ nhĩ trà - Hải ngoại sử khảo phân tích” (清代北京上流社會普洱茶-海外史稿分析) (Báo cáo đặc biệt trích trong *Trà nghệ*, số 22, Đài Loan, Summer 2007).
4. Leisure & Cultural Services Department, Hongkong. *Vạn thọ vô cương* [萬壽無疆]: Càn Long bát tuần hạ thọ [乾隆八旬賀壽] (Happy Birthday Emperor Qianlong), Hongkong, Hongkong Heritage Museum, 2000.
5. Lý Quang Đào (李光濤). *Minh Thanh đáng án luận văn tập* (明清檔案論文集). Đài Bắc, Liên Kinh, 1986.
6. *Nam Phong tạp chí* [Ấn bản điện tử]. Calif., Viện Việt học, 2009.
7. Nguyễn Thế Long. *Chuyện đi sứ - Tiếp sứ thời xưa*. Hà Nội, Văn hóa Thông tin, 2001.
8. Phan Thúc Trực. *Quốc sử di biên* [bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo]. Sài Gòn, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1973.
9. Phùng Hướng Anh [馮向英]. *Đại Thanh thập nhị đế nghi án* [大清十二帝疑案] (ba quyển). Trường Xuân, Cát Lâm văn sử xuất bản xã, 2005.
10. Từ Hạo Tu (徐浩修). *Yên hành kỷ* (燕行紀), Tuyển tập V. Seoul, Minjok Munhwa Ch'ujinhoe, 1976.
11. Viện Nghiên cứu Hán Nôm [Viện Khoa học xã hội Việt Nam]. *Thông báo Hán Nôm học năm 2005*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 2006.
12. Viện Sử học. *Lê Quý Đôn toàn tập*. Tập II: *Kiến văn tiểu lục* (Phạm Trọng Diễm dịch). Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1977.
13. *Việt Nam tạp chí* [越南輯誌]. Số ra mắt 7/1989, Campbell, Calif., 1989.

TÓM TẮT

Biên khảo này trích thuật những ghi chép của sứ đoàn Triều Tiên liên quan đến phái đoàn Đại Việt trong dịp lễ bát tuần vạn thọ vua Càn Long của nhà Thanh vào năm Canh Tuất - 1790. Trong lần gặp gỡ đặc biệt này, sứ đoàn Triều Tiên đã ghi chép khá tỉ mỉ diễn tiến của hơn một tháng đại lễ, cùng những lần gặp gỡ, trao đổi, xướng họa thơ văn với sứ thần nước ta. Tài liệu này được viết theo dạng nhật ký nên có nhiều chi tiết sống động, giúp chúng ta có thêm một tư liệu đầu tay (primary source) hiếm quý để nghiên cứu về nhà Tây Sơn. Tuy nhiên, do vị thế của phái đoàn Đại Việt rất nổi bật so với các phái đoàn ngoại giao khác đến Trung Quốc lần này, nên không thể tránh khỏi sự ganh tỵ, thành kiến của nhiều nhân vật đương thời, trong đó có cả sứ bộ Triều Tiên. Vì vậy, chúng ta cần dè dặt khi sử dụng tài liệu này.

ABSTRACT

THE MEETING OF KOREAN AND VIETNAMESE DIPLOMATIC MISSIONS AT THE QING COURT IN CHINESE LUNAR YEAR CANH TUẤT (1790)

This study quotes the Korean delegation's records relating to the Vietnamese delegation on the 80th birthday anniversary of Emperor Qianlong in the year Canh Tuất (1790). During this special meeting, the Korean delegation fairly meticulously recorded the course of over a month of festival with the meetings to exchange and compose extempore poems between our delegation and the others.

Written in diary form, this document has a lot of lively details which provide us with a rare primary source to study on the Tây Sơn dynasty. However, because of the outstanding position of the Vietnamese delegation compared with other diplomatic missions at that time, it would be hard to avoid the envy and prejudice of contemporary political characters, including Korean delegation. Thus, we should be reserved when applying this document.